TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2020/KDTM-PT
Ngày: 14 -9-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Bà Đỗ Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đường Hạc Vương Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường C - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2020/QĐPT-KDTM ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2020/QĐ-PT ngày 10/7/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 28/2020/QĐPT-KDTM ngày 30/7/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 16/TB.TA ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng H.

Địa chỉ: phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Giám đốc trung tâm kiêm Trưởng phòng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng H (Giấy ủy quyền số 1482/2020/QĐ-TGĐ ngày 08/7/2020).

Bà H ủy quyền lại cho bà Phạm Thị H – Phó phòng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 825/2020/UQ-HDB ngày 09/7/2020).

Địa chỉ: phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ H – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quách Đình H, sinh năm 1970.

2. Bà Nguyễn Thị Mai Lệ H, sinh năm 1970.

3. Cháu Quách Ngọc Gia H, sinh năm 2006.

4. Cháu Quách Ngọc Minh H, sinh năm 2009.

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Ông Quách Đình H

(Bà H và ông H có mặt tại phiên tòa; Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Ngân hàng H đã cho Công ty TNHH T vay vốn theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013; Hợp dồng tín dụng trung – dài hạn số 0189/14/HĐTDTDH/DN/040 ngày 05/9/2014 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018, chi tiết như sau:

1. Thông tin dư nợ:

a. Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013. Số tiền vay là 2.500.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.

b. Hợp dồng tín dụng trung – dài hạn số 0189/14/HĐTDTDH/DN/040 ngày 05/9/2014. Số tiền vay là 770.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay

theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh trả góp.

c. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018. Hạn mức tín dụng là 2.200.000.000đ, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất cho vay là theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh sản xuất, gia công mua bán, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ từ tôn, thiết, mây, tre, lá.

2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19, theo Giấy quyền sở hữu nhà và quyền sở hữu đất mang tên Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận số BK 372304 ngày 28/6/2012. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 176/13/HĐTC/DN ngày 29/10/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng L, tỉnh Đồng Nai. Đăng ký thế chấp tài sản tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai – chi nhánh H ngày 30/10/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng H đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán nợ cho Ngân hàng H nhưng Công ty vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 31/10/2019, tổng số tiền mà Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng H là 3.336.380.130đ (trong đó nợ gốc là 2.711.205.008đ; Nợ lãi trong hạn là 101.269.997đ và nợ lãi quá hạn là 523.905.125đ), cụ thể:

1. Đối với Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013 thì nợ gốc là 292.020.000đ, lãi trong hạn là 12.768.577đ, lãi quá hạn là 62.332.341đ. Tổng cộng còn nợ là 367.120.918đ.

2. Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0189/14/HĐTDTDH/DN/040 ngày 05/9/2014, nợ gốc là: 219.600.000đ, lãi trong hạn là 22.202.652đ, lãi quá hạn là 31.976.793đ. Tổng cộng còn nợ là 273.779.445đ.

3. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018. Thì nợ gốc là 2.199.585.008đ, lãi trong hạn là 66.298.768đ, lãi quá hạn là 429.595.991đ. Tổng cộng còn nợ là 2.695.479.767đ.

Nay Ngân hàng H yêu cầu Tòa án nhân dân thánh phố Biên Hòa giải quyết như sau:

1. Buộc Công ty TNHH T phải trả nợ ngay một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng H với tổng số tiền là 3.336.380.130đ (trong đó lãi vay tính đến ngày 31/10/2019).

2. Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tóa án giải quyết cho Ngân hàng H được yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp cho Ngân hàng H. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Bị đơn Công ty TNHH T – do bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày tại bản tự khai như sau:

Thống nhất các hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp, tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng H trình bày. Mỗi năm giữa Công ty T và phía Ngân hàng H cũng như phía chủ tài sản bảo đảm đều ký lại Hợp đồng tín dụng với nhau, phía Ngân hàng H cũng xuống xem xét, định giá lại tài sản thế chấp theo đúng quy định. Tuy nhiên, hiện tại do Công ty T không còn hoạt động; mất khả năng thanh toán. Do ông Quách Đình H có vay riêng của bà H một khoản tiền rất lớn nhưng không trả, vì vậy bà H cũng không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng H. Do đó, Công ty đồng ý thanh toán cho Ngân hàng H số tiền còn nợ và đồng ý xử lý tài sản bảo đảm đứng tên của ông Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H ở tổ A, KP H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật để thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng H. Công ty cũng đồng ý chịu các khoản lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H, bà Nguyễn Thị Mai Lệ H trình bày tại bản tự khai như sau:

Ông, bà là người đứng ra bảo đảm cho khoản vay của Công ty T. Ông, bà không biết việc Công ty T không thanh toán cho phía Ngân hàng H, nên ông, bà sẽ xem xét lại và sẽ có trách nhiệm đôn đốc phía Công ty TNHH T thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng H.

Tại Bản án sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào Điều 29, khoản 1 Điều 30; Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 195; Điều 199 và Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 319 Luật thương mại.

Áp dụng các Điều 471, 473, 474; 715, 716, 717, 718, 719, 720 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 113 Luật đất đai 2003.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và Án lệ số 11/2017/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng H tổng số tiền còn nợ là 3.336.380.130đ (Ba tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi ngìn một trăm ba mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 2.711.205.008đ; Nợ lãi trong hạn là 101.269.997đ; Nợ lãi quá hạn là 523.905.125đ) (lãi vay tính đến ngày 31/10/2019)).

Công ty TNHH T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013; Hợp đồng số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014; Hợp đồng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 và các khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; trường hợp các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Công ty T phải thanh toán tiếp tục theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tài sản để đảm bảo thi hành án là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19, diện tích 236,8m^2 và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 1, số tầng 4, diện tích xây dựng là 123,73 m^2 mang tên Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận số BK 372304 có nghĩa vụ đảm bảo thanh toán đối với các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013 và Hợp đồng tín dụng số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN ngày 29/10/2013; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 176/12/HĐTC/DN/PL-01 ngày 05/9/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H kháng cáo bản án số 26/2019/KDTM-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa cho rằng: Thủ tục hòa giải không được tham gia; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 5 người chứ không phải 04 người; Đề nghị giải thích Hợp đồng tín dụng số 00749 ngày 12/01/2018 hồ sơ vay 2,2 tỷ đồng nhưng HDBank khởi kiện là hơn 2,711 tỷ đồng (BL 315)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng không đưa ông Quách Ngọc Như H vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng ông không được tham gia. Cấp sơ thẩm thực hiện chưa chặt chẽ để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Mặt khác, ông H chỉ ký 02 hợp đồng 176 và 189, còn Hợp đồng 749 ông không được ký nháy và không ký tài sản đảm bảo thế chấp. Xét cấp sơ thẩm đã vi phạm về thu thập chứng chứng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy toàn bộ án sơ thẩm giao gồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Quách Đình H làm trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH T do bà Nguyễn Thị Lệ H là người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai Lệ H, cháu Quách Ngọc Gia H, cháu Quách Ngọc Minh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ngân hàng H và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018. Tính đến ngày 31/10/2019, tổng số tiền mà Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng H là 3.336.380.130đ (trong đó nợ gốc là

2.711.205.008đ; Nợ lãi trong hạn là 101.269.997đ và nợ lãi quá hạn là 523.905.125đ), cụ thể:

Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013 thì nợ gốc là 292.020.000đ, lãi trong hạn là 12.768.577đ, lãi quá hạn là 62.332.341đ. Tổng cộng còn nợ là 367.120.918đ.

Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0189/14/HĐTDTDH/DN/040 ngày 05/9/2014, nợ gốc là: 219.600.000đ, lãi trong hạn là 22.202.652đ, lãi quá hạn là 31.976.793đ. Tổng cộng còn nợ là 273.779.445đ.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018. Thì nợ gốc là 2.199.585.008đ, lãi trong hạn là 66.298.768đ, lãi quá hạn là 429.595.991đ. Tổng cộng còn nợ là 2.695.479.767đ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 372304, thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19 do UBND thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/6/2012 đứng tên ông Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H.

Ông H kháng cáo cho rằng thủ tục hòa giải ông không được tham gia: Các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã niêm yết các thủ tục hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử và bản án đầy đủ theo quy định nhưng ông H không có mặt. Mặt khác, ngày 11/02/2019 ông H có đến Tòa làm việc và cam kết sẽ nộp lại văn bản ý kiến cho Tòa vào ngày 15/02/2019, nhưng sau đó ông H không có ý kiến gì. Nên ông H cho rằng không được tham gia là không phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 5 người chứ không phải 4 người: Tại sổ hộ khẩu do Ngân hàng cung cấp thể hiện có Quách Đình H, bà Nguyễn Thị Mai Lệ H, Quách Ngọc Như H, Quách Ngọc Gia H, Quách Ngọc Minh H. Nhưng đối với anh Quách Ngọc Như H có ghi chú là đã chuyển đi từ ngày 31/3/2010 đến địa chỉ tại phường Bình T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và ông H cũng đã chuyển đi cùng ngày với anh H về địa chỉ tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2013 thì Công ty T mới ký hợp đồng vay với Ngân hàng và ông H cùng vợ là bà H cùng ký tài sản đảm bảo cho số nợ vay trên. Nên việc ông H cho rằng không đưa anh H vào tham gia tố tụng là không có cơ sở.

Ông H cho rằng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00749/18MN/HDTD ngày 12/01/2018 hạn mức tín dụng, hồ sơ cho vay là 2,2 tỷ đồng nhưng đến khi khởi kiện là 2,711 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 176/13/HĐTC/DN đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về thế chấp tài sản được quy định tại Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 113 Luật đất đai năm 2003. Đồng thời, hợp đồng được công chứng, chứng thực đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật đất đai 2003, được

đăng ký thế chấp đúng quy định tại Điều 153 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ tư pháp và Bộ tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì việc ký kết các Phụ lục hợp đồng thế chấp số 176/12/HĐTC/DN/PL-01 ngày 05/9/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015 là đúng quy định của pháp luật nên tài sản đã thế chấp sẽ đảm bảo cho các khoản vay có quy định tại hợp đồng thế chấp.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H xét thấy tại các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 176/13/HĐTC/DN ngày 29/10/2013 thì tại Điều 4 mục 1 quy định về nghĩa vụ bảo đảm gồm: Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay/Bên được cấp tín dụng đối với Ngân hàng H (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt, các khoản phải trả, bồi thường thiệt hại khác) theo Hợp đồng tín dụng số 176/12/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013, các Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng ông Ông/Bà: Nguyễn Thị Lệ H/ Nguyễn Ngọc Thiên G/Nguyễn Ngọc Thiên T/ Quách Đình H, các Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh khác được ký kết giữa Ngân hàng H và Bên thế chấp, Bên vay/Bên được cấp tín dụng sau ngày ký Hợp đồng này và tất cả các Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng, khế ước nhận nợ của các Hợp đồng đó có dẫn chiếu đến Hợp đồng thế chấp này…. và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015 không thể hiện rõ tài sản thế chấp được đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 và Hợp đồng tín dụng số 00749 cũng không ký phụ lục Hợp đồng thế chấp giữa các bên. Ngân hàng H cũng đã xác định khi ký Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng H và Công ty TNHH T tại hợp đồng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018, không ký kết phụ lục hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp khác đối với tài sản thế chấp của bên thứ ba. Bởi lẽ tài sản thế chấp vào thời điểm ký Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 không hề thay đổi so với Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên vào thời điểm ban đầu là năm 2013, chỉ thay đổi về giá trị định giá tài sản thế chấp mà thôi. Hơn nữa tại Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015 ở mục 3 Điều 2 của Hợp đồng cũng đã thể hiện *"Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay....đối với Ngân hàng H (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, phạt, các khoản phải trả, bồi thường thiệt hại khác) theo Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh số 176/13/HĐTDDH/DN ngày 29/10/2013...các Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bão lãnh khác được ký kết giữa Ngân hàng H và Bên thế chấp và tất cả các Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng, khế ước nhận nợ của các Hợp đồng đó có dẫn chiếu đến Hợp đồng thế chấp này"*. Mặc dù Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 không ký Phụ lục hợp đồng thế chấp nhưng có dẫn chiếu đến tài sản thế chấp được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 176 năm 2013. Hợp đồng tín dụng này cũng đã được bên

thứ ba là ông Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H ký tên xác nhận và ông H cũng đã thể hiện ý chí xác định chữ ký và chữ viết của ông và có biết về hợp đồng này tại đơn kiến nghị của gửi Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa vào ngày 04/10/2019 và Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp vào ngày 12/01/2018, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018. Nên việc kháng cáo của ông H là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H xác định tài sản đảm bảo tối đa là 03 tỷ đồng đối với tiền vay.

Cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mang tên Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận số BK 372304 là tài sản để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo thanh toán đối với các khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013; Hợp đồng tín dụng số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014 và Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới. Kháng cáo của ông H không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Quách Đình H phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 319 Luật thương mại.

Áp dụng các Điều 471, 473, 474; 715, 716, 717, 718, 719, 720 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 113 Luật đất đai 2003.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và Án lệ số 11/2017/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng H tổng số tiền còn nợ là 3.336.380.130đ (Ba tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn một trăm ba mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 2.711.205.008đ, nợ lãi trong hạn là 101.269.997đ, nợ lãi quá hạn là 523.905.125đ) (lãi vay tính đến ngày 31/10/2019)).

Công ty TNHH T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013; Hợp đồng số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014; Hợp đồng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 và các khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; trường hợp các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Công ty T phải thanh toán tiếp tục theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tài sản để đảm bảo thi hành án là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19, diện tích 236,8m^2 và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 1, số tầng 4, diện tích xây dựng là 123,73m^2 mang tên Quách Đình H và bà Nguyễn Thị Mai Lệ H đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận số BK 372304 ngày 28/6/2012 có nghĩa vụ đảm bảo thanh toán đối với các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 176/13/HĐTDTDH/DN ngày 29/10/2013, Hợp đồng tín dụng số 0189/14HĐTDH/DN040 ngày 05/9/2014, Hợp đồng tín dụng số 00749/18MN/HĐTD ngày 12/01/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN ngày 29/10/2013; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 176/12/HĐTC/DN/PL-01 ngày 05/9/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 176/13/HĐTC/DN/PL-02 ngày 30/12/2015.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán lại khoản tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho Ngân hàng H

Về án phí:

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 98.727.603đ (Chín mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.297.277đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) tạm

ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009761 ngày 28/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ông Quách Đình H phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm nhưng ông H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu số 0008069 ngày 14/01/2020, số 0008427 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Biên Hòa. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND TP. Biên Hòa (1);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- Đương sự (5);
- Lưu (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Phạm Thị Xuân Đào